

Số: 172/2021/QĐST-HNGĐ

G, ngày 25 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 56/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Tạ Quang T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 51/26/11 đường Số 2, Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Trần Bích L, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 51/26/11 đường Số 2, Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông T và bà L là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110 quyền số 01/2012 ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân phường X, thị xã Long Khánh, tỉnh Đ.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 31/12/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17/02/2021 ông T và bà L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, có 02 con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy ông T và bà L thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, đã thỏa thuận được việc nuôi con chung, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Quang T và bà Nguyễn Trần Bích L thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 110 quyển số 01/2012 ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân phường X, thị xã Long Khánh, tỉnh Đ cấp hết hiệu lực)

2. Về con chung: Có 01 con chung tên là Tạ Quang V, sinh ngày 07/8/2014 giao cho bà L nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 02/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về chia tài sản khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ kiện này.

4/ Về Lệ Phí: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng bà L, ông T phải chịu mỗi người 150.000 đồng, nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L, ông T đã nộp theo biên thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0027825 ngày

15/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, bà L, ông T đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.G;
- UBND phường \X;
- Chi cục THADS Q. G
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Chu Thị Bình